

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2010

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số:.....21.89.....
	Ngày: 09/04/13.....
	Chuyên:.....

Thực hiện Công văn số 2906/BTC-NSNN ngày 06/3/2013 của Bộ Tài chính về việc quyết toán ngân sách nhà nước năm 2011; Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2010, như sau:

Theo Báo cáo kết quả kiểm toán ngân sách, tiền và tài sản năm 2010 của tỉnh Quảng Ngãi, tổng số tiền Kiểm toán nhà nước kiến nghị phải thực hiện thu hồi, giảm cấp phát, thu khác và phạt chậm nộp thuế là 407.282,5 triệu đồng. Kết quả, đã thực hiện đến 31/3/2013 là 308.815 triệu đồng, đạt 75,8% kiến nghị của Kiểm toán nhà nước. Chi tiết cụ thể như sau:

I. Thực hiện kiến nghị kiểm toán thu ngân sách nhà nước năm 2010:

Tổng số tiền phải thu theo kết luận của Kiểm toán nhà nước (tại phụ biểu số 06/BCKT-NSDP): 12.173,8 triệu đồng, trong đó:

1. Kiến nghị cơ quan thuế thực hiện thu:

a) Số phải thu nộp: 2.569 triệu đồng, gồm: thuế giá trị gia tăng 842,8 triệu đồng; thuế thu nhập doanh nghiệp 1.292,1 triệu đồng; thuế Tài nguyên 99,7 triệu đồng; phí, lệ phí 171,7 triệu đồng; phạt chậm nộp thuế 162,8 triệu đồng.

b) Số đã thu nộp vào ngân sách nhà nước: 2.418,1 triệu đồng (đạt 94%)

c) Số còn phải nộp vào ngân sách nhà nước: 150,9 triệu đồng;

(Chi tiết theo biểu số 01 đính kèm Báo cáo này).

Nguyên nhân chưa thực hiện được cụ thể như sau:

-Thuế thu nhập doanh nghiệp 120,2 triệu đồng của Công ty TNHH Hoàn Vũ, do còn vướng mắc về việc ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, đơn vị đã có công văn giải trình số 01/2012/TT-HOV ngày 30/3/2012 với Kiểm toán Nhà nước nhưng đến nay chưa có ý kiến;

-Phạt chậm nộp thuế: Xí nghiệp Xây dựng Hà Vân (huyện Mộ Đức): 30,7 triệu đồng, Cục Thuế Quảng Ngãi đã phát hành Thông báo, yêu cầu các đơn vị thực hiện nhưng do đơn vị đang khó khăn về tài chính nên đến nay chưa thực hiện. Cục Thuế Quảng Ngãi tiếp tục đôn đốc yêu cầu các đơn vị nộp vào NSNN theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

d. Về thực hiện kiến nghị Thanh tra thuế đối với Công ty TNHH Xây lắp Quyết Thắng và Doanh nghiệp tư nhân Trường An, Cục Thuế Quảng Ngãi đã tiến hành thanh tra kết quả như sau:

-Công ty TNHH xây lắp Quyết Thắng: Truy thu thuế và phạt 179,065 triệu đồng;

-Doanh nghiệp tư nhân Trường An: Giảm khấu trừ thuế 138,54 triệu đồng và truy thu thuế 36 triệu đồng.

2. Kiến nghị Cục Hải quan Quảng Ngãi thực hiện: Số phạt chậm nộp là 9.604 triệu đồng.

Theo báo cáo của Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi tại Công văn số 190/HQQNg-NV ngày 09/3/2012 về thực hiện kết luận kiểm toán ngân sách, tiền và tài sản nhà nước năm 2010, đối với kiến nghị này, Tổng Cục Hải quan đã có ý kiến tại Công văn số 1104/TCHQ-TXNK ngày 07/3/2012. Theo đó, việc Kiểm toán Nhà nước xác định số tiền phạt chậm nộp thuế mà Cục hải quan Quảng Ngãi phải thu hồi 9.604 triệu đồng là không đúng qui định. Bởi vì: theo qui định, Cục hải quan Quảng Ngãi không thể theo dõi số thu đối với số tiền phạt nộp chậm của các khoản thuế quá hạn chưa nộp vào NSNN trên hệ thống KT 559 mà chỉ gửi thông báo về số tiền nợ thuế và phạt nộp chậm đến từng doanh nghiệp có nợ thuế quá hạn, nên đến nay đơn vị chưa thực hiện.

II. Thực hiện kiến nghị kiểm toán chi đầu tư xây dựng cơ bản: (tại Phụ biểu số 08/BCKT-NSDP).

Tổng số chênh lệch do xác định sai khối lượng theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước là 18.187,6 triệu đồng, trong đó:

1. Khối tình quản lý:

a) Số phải thực hiện: 16.945,6 triệu đồng; gồm:

- Thu hồi nộp NSNN do thanh toán vượt: 1.288,6 triệu đồng;

- Giảm giá trị thanh toán lần sau: 11.514,1 triệu đồng;

- Thu hồi nộp NSNN chi sai chế độ: 4.142,9 triệu đồng (Kiểm toán Nhà nước đã chấp nhận điều chỉnh tăng số kiến nghị giảm cấp phát và giảm số kiến nghị thu hồi nộp NSNN chi sai chế độ là 138,9 triệu đồng);

b) Đã thực hiện: 6.407,1 (đạt 37,8%).

c) Chưa thực hiện: 10.538,5 triệu đồng. Trong đó:

- Thu hồi nộp ngân sách nhà nước do thanh toán vượt: 660,3 triệu đồng. Bao gồm: Tại Sở Giao thông vận tải (đường Bồ đề- Đức Lợi - Mỹ Á): 26,9 triệu đồng, Công ty TNHH MTV ĐT&PHTT Quảng Ngãi 633,4 triệu đồng (truyền số 5- đường 1,2,5 KCN Tịnh Phong, tuyến số 1 và số 2- đường số 1,2,5 KCN Tịnh Phong, đường số 2 nối dài KCN Tịnh Phong). Theo báo cáo giải trình của Công ty TNHH MTV ĐT&PHTT Quảng Ngãi các công trình trên làm thủ tục quyết toán dự án hoàn thành, Công ty sẽ thực hiện việc giảm trừ thanh toán các khối lượng hoàn thành theo Kết luận của Kiểm toán nhà nước.

- Giảm thanh toán lần sau: 9.576,8 triệu đồng, tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Quảng Ngãi, gồm: Tuyến số 05- Đường số 1, 2, 5 - KCN Tịnh Phong (gói thầu số 04): 87,19 triệu đồng; Hệ thống xử lý nước thải KCN Quảng Phú (gói thầu số 9): 9.489,5 triệu đồng, Công ty đã có văn bản kiến nghị về kết luận của Kiểm toán Nhà nước và Ủy ban nhân dân tỉnh đã có công văn số 3647/UBND-CNXD ngày 15/10/2012 giải trình gửi Kiểm toán Nhà nước khu vực III xem xét lại đối với việc giảm trừ khối lượng của dự án này.

- Thu hồi nộp ngân sách nhà nước do chi sai chế độ: 301,3 triệu đồng.
Bao gồm:

+ Tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, dự án trồng rừng phòng hộ đầu nguồn Thạch Nham 210,7 triệu đồng. Trong đó: Công ty cổ phần Thanh niên xung phong Quảng Ngãi chưa thực hiện nộp ngân sách 149,4 triệu đồng, Ban quản lý dự án JICA1 đang lập hồ sơ trình xử lý theo pháp luật, số còn lại đang đề xuất các biện pháp xử lý;

+ Ủy ban nhân dân huyện Tây Trà, dự án nhà làm việc Ủy ban nhân dân huyện 37,6 triệu đồng, huyện sẽ thực hiện giám trừ thanh toán khối lượng hoàn thành khi thanh toán vốn cho đơn vị thi công.

(Chi tiết theo Biểu số 02 kèm theo Báo cáo này);

2. Khối huyện, thành phố quản lý:

a) Số phải thực hiện: 1.242 triệu đồng; gồm:

- Thu hồi nộp NSNN do sai khối lượng: 1.239,2 triệu đồng;

- Thu hồi nộp NSNN do sai khác: 2,8 triệu đồng.

b) Đã thực hiện: 320,5 triệu đồng (đạt 25,8%).

c) Chưa thực hiện: 921,5 triệu đồng. Trong đó:

(1) Thành phố Quảng Ngãi: 125 triệu đồng (thu hồi giá trị thanh toán dự án tuyến đường Trục chính (C4a-C1-C3a) Cụm công nghiệp Thiên Bút). Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi tiếp tục chỉ đạo thực hiện, nếu đơn vị không thực hiện, Ủy ban nhân dân thành phố sẽ chuyển cho cơ quan pháp luật xử lý;

(2) Huyện Sơn Tịnh: 628 triệu đồng (thu hồi giá trị thanh toán dự án đường tỉnh lộ 623, đường Bình Hiệp- Tịnh Trà, đường cầu Kinh - Khê hội do thanh toán sai khối lượng. Hiện nay huyện đang tiếp tục chỉ đạo thực hiện;

(3) Huyện Mộ Đức: 141,1 triệu đồng, nhà làm việc Ủy ban nhân dân thị trấn do thanh toán sai khối lượng. Hiện nay huyện đang tiếp tục chỉ đạo thực hiện.

III. Thực hiện kiến nghị kiểm toán chi ngân sách nhà nước (tại Phụ biểu số 09/BCKT-NSDP)

1. Các khoản phải nộp ngân sách nhà nước:

- Số phải nộp: 40.903 triệu đồng;

- Số đã nộp: 11.894,75 triệu đồng (đạt 29%);

- Số còn phải nộp là 29.008,24 triệu đồng; bao gồm các đơn vị sau:

(1) Sở Y tế: Nguồn thu viện phí điều tiết về Sở từ các năm trước còn dư theo quy định nộp ngân sách nhà nước 328,074 triệu đồng đã cho các cá nhân tạm ứng chưa thu hồi kịp, Sở Y tế sẽ đôn đốc thu hồi trong thời gian sớm nhất.

(2) Sở Tài nguyên và Môi trường: tiền thiết kế phí, đơn vị chưa thu hồi công nợ nên chưa nộp 36,9 triệu đồng.

(3) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Kinh phí khắc phục bão lụt chưa sử dụng, thu hồi nộp trả ngân sách Trung ương phần kinh phí đầu tư là 4,5 triệu đồng.

(4) Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất: Nguồn kinh phí cải cách tiền lương cấp cho Bệnh viện đa khoa Dung Quất các năm trước chưa sử dụng 359,29 triệu đồng. Nguyên nhân chưa thu hồi được là do Bệnh viện Dung Quất đã chuyển giao về Tập đoàn Dầu khí Việt Nam từ tháng 05/2011 nên việc thu hồi ngân sách khoản kinh phí cải cách tiền lương là rất khó khăn. Theo giải trình của Bệnh viện, đơn vị đã sử dụng mua sắm và sửa chữa tài sản 272,1 triệu đồng và chi thu nhập tăng thêm cho CNCNV là 86,24 triệu đồng, hiện nay Bệnh viện đang khó khăn đề nghị cho phép không thu hồi khoản kinh phí nói trên.

(5) Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Quảng Ngãi kinh phí quyết toán công trình còn thừa chưa nộp trả ngân sách Nhà nước 18,12 triệu đồng.

(6) Trung tâm Khuyến ngư (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) tạm ứng cho các đơn vị, cá nhân từ các năm trước chưa thu hồi được là 529,59 triệu đồng.

(7) Thành phố Quảng Ngãi: Kinh phí do xử lý trả nợ tạm ứng cho ngân sách tỉnh năm trước từ nguồn thu tiền sử dụng đất 27.000 triệu đồng (trên tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước), nhưng không nộp và phản ánh thu, chi vào báo cáo quyết toán ngân sách năm 2010 theo quy định của Luật NSNN. Theo báo cáo giải trình của Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi số 216/UBND ngày 12/11/2012, việc điều chỉnh trên Hệ thống Tabmis rất khó khăn. Kiến nghị Kiểm toán nhà nước xem xét.

(8) Huyện Tư Nghĩa: 258,1 triệu đồng, gồm các khoản huyện đã thu trên tài khoản tạm giữ nhưng chưa nộp ngân sách.

2. Các khoản xuất toán thu hồi nộp ngân sách:

Huyện Tư Nghĩa: chi lương kiêm nhiệm của Ban quản lý (Phòng Giáo dục Đào tạo) không đúng chế độ là 44,77 triệu đồng. Đến nay chưa thu hồi được do đã chi trả cho các cá nhân, huyện sẽ đôn đốc thu hồi và nộp trả ngân sách.

3. Các khoản chuyển quyết toán năm sau:

- Số phải chuyển: 36.958,51 triệu đồng;
- Số đã chuyển: 36.958,51 triệu đồng ;

4. Các khoản giảm cấp phát năm sau:

- Số phải thực hiện: 12.103,94 triệu đồng;
- Số đã thực hiện: 12.103,94 triệu đồng (đạt 100 %);

5. Các kiến nghị khác:

- Số phải thực hiện: 286.911,71 triệu đồng;
- Số đã thực hiện: 238.237,71 triệu đồng (đạt 83%);
- Số chưa thực hiện: 48.674 triệu đồng; gồm:

(1) Huyện Ba Tư: 950 triệu đồng, chưa bố trí được nguồn để thực hiện.

(2) Huyện Sơn Tịnh: kinh phí cải cách tiền lương còn thừa sử dụng sai mục đích kiến nghị bố trí nguồn hoàn trả ngân sách huyện (2.408,01 triệu đồng). Ủy ban nhân dân huyện có giải trình nguyên nhân đến nay không thực hiện được là do nguồn kinh phí trên còn nằm trong kết dư ngân sách huyện, cuối năm 2011 huyện đã điều chỉnh từ nguồn kinh phí kết dư ngân sách sang nguồn cải cách tiền lương và theo dõi sử dụng.

(3) Tiền cổ phần hoá DNNN chưa thực hiện nộp Quỹ sắp xếp doanh nghiệp 7.956,9 triệu đồng. Nguyên nhân chưa thực hiện là do: Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước và xây dựng Quảng Ngãi (trong thời gian chuyển đổi) có tiếp nhận nguồn vốn JBIC để đầu tư dự án hệ thống cấp nước thị trấn Mộ Đức và thị trấn Đức Phổ. Công ty đã ghi tăng vốn nhà nước và hình thành nên tài sản cố định. Theo quy định thì khoản chênh lệch từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chuyển thành Công ty cổ phần, doanh nghiệp phải nộp về Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước. Tuy nhiên, đây là một trường hợp đặc thù, là nguồn vốn Nhà nước đầu tư thêm vào doanh nghiệp sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá, không phải nguồn vốn Nhà nước tăng do lợi nhuận. Vì vậy, Sở Tài chính Quảng Ngãi đã báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến của Thủ tướng Chính phủ xử lý đối với vấn đề nêu trên.

(4) Nợ tạm ứng kéo dài nhiều năm còn lại phải thu hồi 37.359 triệu đồng.

(Chi tiết theo Biểu số 03 kèm theo Báo cáo này).

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo và kiến nghị Kiểm toán Nhà nước, Bộ Tài chính xem xét một số nội dung chưa thực hiện do những nguyên nhân khách quan như giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và đề xuất của các cơ quan đơn vị tại Báo cáo này.

Trên đây là kết quả thực hiện những kiến nghị của Kiểm toán nhà nước về kiểm toán ngân sách, tiền và tài sản nhà nước năm 2010, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán Nhà nước;
- KTNN khu vực III;
- TT HỒND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- VPUB: CPVP, CBTH
- Lưu:VT, P.KTTH dqv212



Tỉnh Quảng Ngãi

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG NỘP THUẾ - NĂM 2010

(Theo Phụ biểu số 06/BCKT-NSĐP của KTNN)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Tên đơn vị được kiểm toán	Số phải nộp NSNN		Chênh lệch	Trong đó					Tiến độ thực hiện		Lý do chưa thực hiện và kiến nghị của
		Quyết toán	Kiểm toán		Thuế GTGT	Thuế TNDN	Thuế tài nguyên	Phí lệ phí	Phạt chậm nộp	Đã nộp	Chưa nộp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	Tổng cộng (A)+(B)	38.918,2	51.856,2	12.173,0	842,8	1.292,1	99,7	171,7	9.766,8	2.418,0	9.754,9	
A	Cục Thuế thực hiện	25.766,0	29.100,0	2.569,0	842,8	1.292,1	99,7	171,7	162,8	2.418,0	150,9	
I	Khôi tỉnh	14.798,8	16.488,7	1.445,5	200,5	1.002,7	12,9	128,3	101,2	1.325,3	120,2	
1	Cty CP Cấp thoát nước và XD Q.Ngãi			128,5	43,5	85,0				128,5	0,0	
2	Cty CP phát triển cơ sở hạ tầng Quảng Ngãi			37,7		37,7				37,7	0,0	
3	Cty CP Môi trường Đô thị Quảng Ngãi			141,4		13,1		128,3		141,4	0,0	
4	Cty CP TNHH MTV ĐT-PT hạ tầng D.Quất			666,6	100,3	506,3	12,9		47,1	666,6	0,0	
5	Cty TNHH XD-TM Tín Nghĩa			45,3		38,5			6,8	45,3	0,0	
6	Cty CP Hiệp Phát			205,7	2,2	172,8			30,8	205,7	0,0	
7	Cty Xây dựng Đồng Khánh			66,0	54,5				11,5	66,0	0,0	
8	Cty TNHH Thành Định			34,2		29,1			5,1	34,2	0,0	
9	Cty TNHH Hoàn Vũ			120,2		120,2					120,2	chưa thống nhất
II	Khôi huyện	10.967,1	11.859,6	879,5	541,7	234,0	1,9	40,4	61,6	848,8	30,7	
1	Huyện Mộ Đức			386,4	217,2	98,1	0,0	40,4	30,7	355,7	30,7	
a	Xí nghiệp XD Hà Văn			247,9	217,2				30,7	217,2	30,7	
b	Xã Đức Minh			98,1		98,1				98,1	0,0	
c	Xã Đức Chánh			40,4				40,4		40,4	0,0	
2	Huyện Tư Nghĩa			69,5	40,4	29,1				69,5	0,0	
a	Cty TNHH xây dựng La Hà			24,2	6,9	17,3				24,2	0,0	
b	Xí nghiệp XD Tiên Châu			45,3	33,5	11,8				45,3	0,0	
3	Huyện Ba Tơ			340,7	284,1	36,6	1,9	0,0	18,2	340,7	0,0	
a	Xí nghiệp XD Ba Tơ			249,2	249,2					249,2	0,0	
b	DN Tư Nhân Hoàng Phúc			1,9			1,9			1,9	0,0	

Số TT	Tên đơn vị được kiểm toán	Số phải nộp NSNN		Chênh lệch	Trong đó					Tiến độ thực hiện		Lý do chưa thực hiện và kiến nghị của
		Quyết toán	Kiểm toán		Thuế GTGT	Thuế TNDN	Thuế tài nguyên	Phí lệ phí	Phạt chậm nộp	Đã nộp	Chưa nộp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
c	Xí nghiệp chế biến gỗ Đức Hạnh			71,4	34,9	36,6				71,4	0,0	
d	Cty TNHH MTVĐTXD 11/3			18,2					18,2	18,2	0,0	
4	Huyện Trà Bồng			82,9	0,0	70,2	0,0	0,0	12,7	82,9	0,0	
a	Cty TNHH Khánh Nguyên			49,5		42,8			6,7	49,5	0,0	
b	Công Ty TNHH Thái Nguyên			11,7		7,0			4,7	11,7	0,0	
c	Cty TNHH Hoàn Thịnh			21,7		20,4			1,3	21,7	0,0	
III	<u>Các cơ quan, đơn vị HCSN</u>	<u>507,5</u>	<u>751,7</u>	<u>243,9</u>	<u>100,7</u>	<u>55,4</u>	<u>84,9</u>	<u>3,0</u>	<u>0,0</u>	<u>243,9</u>	<u>0,0</u>	
1	Văn phòng Sở Y tế			3,0				3,0		3,0	0,0	
2	Trung tâm trắc địa và khoan trắc môi trường			18,1	18,2					18,1	0,0	
3	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất			8,5		8,5				8,5	0,0	
4	Chi cục kiểm lâm			84,9			84,9			84,9	0,0	
5	Trung tâm giống cây trồng vật nuôi			8,6	8,6					8,6	0,0	
6	Trung tâm tư vấn NN và Phát triển NT			120,8	73,9	46,9				120,8	0,0	
B	Cục Hải quan thực hiện	13.152,2	22.756,2	9.604,0					9.604,0	0,0	9.604,0	

Tỉnh Quảng Ngãi

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN CHI ĐÀU TƯ XDCB NĂM 2010

(Theo Phụ biểu số 08/BCKT-NSDP của KTTN)

ĐVT: triệu đồng

Số TT	Tên dự án	Số báo cáo	Giá trị được kiểm toán	Số kiểm toán xác định	Chênh lệch	Chia ra		Kiến nghị xử lý			Đã thực hiện			Chưa thực hiện			Ghi chú
						Sai khối lượng	Sai khác	Thu hồi	Giảm cấp phát	Thu khác	Thu hồi	Giảm cấp phát	Thu khác	Thu hồi	Giảm cấp phát	Thu khác	
1	2	3	4	5	6	7	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
A	Khôi tinh quản lý	665.244,1	346.641,0	329.695,4	-16.945,6	-11.988,0	-4.957,6	4.004,0	11.653,0	1.288,6	2.693,3	2.726,6	987,2	660,3	9.576,8	301,3	
I	BQL KKT Dung Quất	232.819,8	35.484,6	31.530,3	-3.954,4	-3.954,4	0,0	2.182,7	1.771,7	0,0	2.182,7	1.771,7	0,0	0,0	0,0	0,0	
1	DA Đầu tư xây dựng các tuyến đường trục KCN Dung Quất phía Đông (gđ2)	33.391,9	5.593,1	5.439,6	-153,5	-153,5			153,5		0,0	153,5		0,0	0,0	0,0	mới thực hiện giảm cấp phát
2	DA Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu dân cư Dung Quất	28.232,5	9.592,2	8.253,8	-1.338,4	-1.338,4		1.338,4	-0,0		1.338,4		0,0	0,0	0,0		
3	DA Đường Trị Bình - cảng Dung Quất Km1+00-Km+00	43.523,7	1.244,9	1.097,2	-147,7	-147,7			147,7		0,0	147,7		0,0	0,0	0,0	
4	DA Cầu cảng cá sông Trà Bồng phục vụ Tái định cư (gói thầu số 8)	119.175,8	16.162,8	13.848,0	-2.314,9	-2.314,9		844,3	1.470,6		844,3	1.470,6		0,0	0,0	0,0	
5	Kè chắn cát Dung Quất (gói số 1, 2)	8.495,9	2.891,7	2.891,7	0,0									0,0	0,0	0,0	
II	Sở Giao thông vận tải	57.178,1	16.774,9	15.646,2	-1.128,7	-395,6	-733,1	1.113,8	14,9	0,0	436,5	665,3	0,0	26,9	0,0	0,0	
1	DA Nâng cấp tuyến đường Bô Đê - Đức Lợi - Mỹ Á Km31+00-Km39+661	22.891,0	9.454,6	9.168,5	-286,1	-232,6	-53,5	271,2	14,9			259,2		26,9		0,0	
2	DA Đường Đồng Cát - Suối Bùn (ĐT 624C)	12.091,8	4.037,2	3.474,5	-562,7	-152,2	-410,5	562,7			330,3	232,4				0,0	
3	DA Đường Quốc lộ 1A - Bình Minh	9.569,3	1.680,6	1.502,8	-177,8	-10,8	-167,0	177,8			106,2	71,6				0,0	
4	DA Cầu Mới	12.626,0	1.602,5	1.500,4	-102,1		-102,1	102,1				102,1				0,0	
III	Sở Nông nghiệp và PTNT	131.905,9	121.236,8	120.644,4	-592,5	0,0	-592,5	24,1	0,0	568,3	24,1	0,0	357,7	0,0	0,0	210,7	
1	DA Xây dựng Đê Bắc (gói số 3)	40.514,2	35.004,4	34.980,3	-24,1		-24,1	24,1			24,1			0,0	0,0	0,0	mới thực hiện 2013
2	DA Trồng rừng phòng hộ đầu nguồn Thạch Nham	55.648,4	55.648,4	55.116,4	-531,9		-531,9			531,9		321,3	0,0	0,0	0,0	210,7	
3	DA Khu Tái định cư Gò Gù	955,0	955,0	939,7	-15,3		-15,3			15,3		15,3	0,0	0,0	0,0		

Số TT	Tên dự án	Số báo cáo	Giá trị được kiểm toán	Số kiểm toán xác định	Chênh lệch	Chia ra		Kiến nghị xử lý			Đã thực hiện			Chưa thực hiện			Ghi chú
						Sai khối lượng	Sai khác	Thu hồi	Giảm cấp phát	Thu khác	Thu hồi	Giảm cấp phát	Thu khác	Thu hồi	Giảm cấp phát	Thu khác	
1	2	3	4	5	6	7	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
4	DA Khu Tái định cư đồi Ngoc Răng	899,0	899,0	877,9	-21,1		-21,1			21,1			21,1	0,0	0,0	0,0	
5	Xây dựng đê chắn cát vũng neo đậu và luông vào	33.889,3	28.730,0	28.730,0	0,0									0,0	0,0	0,0	
IV	Sở giáo dục và Đào tạo	4.328,3	4.328,3	4.259,4	-68,8	0,0	-68,8	0,0	0,0	68,8	0,0	0,0	68,8	0,0	0,0	0,0	0,0
1	Trường THPT Ba Tơ	1.331,6	1.331,6	1.296,4	-35,2		-35,2			35,2			35,2	0,0	0,0	0,0	
2	Trường TH Ba Tô	330,0	330,0	326,3	-3,7		-3,7			3,7			3,7	0,0	0,0	0,0	
3	Trường TH Sơn Mưa I	435,0	435,0	433,6	-1,4		-1,4			1,4			1,4	0,0	0,0	0,0	
4	Trường TH Sơn Mưa II	329,0	329,0	325,9	-3,1		-3,1			3,1			3,1	0,0	0,0	0,0	
5	Trường TH Ba Vinh	436,0	436,0	434,2	-1,8		-1,8			1,8			1,8	0,0	0,0	0,0	
6	Trường TH Ba Nam	350,0	350,0	347,4	-2,6		-2,6			2,6			2,6	0,0	0,0	0,0	
7	Trường TH Ba Tô (Mộ Lang)	327,0	327,0	324,9	-2,1		-2,1			2,1			2,1	0,0	0,0	0,0	
8	Trường TH Ba Tô (Mang Lùng)	341,7	341,7	325,4	-16,2		-16,2			16,2			16,2	0,0	0,0	0,0	
9	Trường TH Sơn Bua	448,0	448,0	445,3	-2,7		-2,7			2,7			2,7	0,0	0,0	0,0	
V	Ban quản lý các DA ĐT&XD tỉnh	71.570,6	33.213,7	32.932,6	-281,1	-222,5	-58,5	0,0	281,1	0,0	0,0	281,1	0,0	0,0	0,0	0,0	
1	Trường Đại học Phạm Văn Đồng	71.570,6	33.213,7	32.932,6	-281,1	-222,5	-58,5	0,0	281,1	0,0	0,0	281,1	0,0	0,0	0,0	0,0	
+	Gói số 8 san lấp mặt bằng	16.492,0	9.104,1	9.045,6	-58,5		-58,5		58,5			58,5		0,0	0,0	0,0	
+	Gói số 14 nhà hiệu bộ thư viện	36.201,7	16.901,6	16.762,3	-139,2	-139,2			139,2			139,2		0,0	0,0	0,0	
+	Gói số 15 nhà lớp học số 2+3, nhà để xe	18.876,9	7.208,0	7.124,7	-83,3	-83,3			83,3			83,3		0,0	0,0	0,0	
VI	UBND thành phố Quảng Ngãi	24.248,0	24.248,0	23.903,0	-344,9	-50,0	-294,9	50,0	8,6	286,3	50,0	8,6	285,3	0,0	0,0	1,0	
1	Đường Cao Bá Quát nối dài	878,5	878,5	870,0	-8,6		-8,6		8,6			8,6		0,0	0,0	0,0	
2	Đường Lê Trung Đình đoạn Nguyễn Du - Bà Triệu	9.013,2	9.013,2	8.963,1	-50,0	-50,0		50,0			50,0			0,0	0,0	0,0	
3	Đường Nguyễn Chí Thanh	2.774,1	2.774,1	2.773,1	-1,0		-1,0			1,0				0,0	0,0	1,0	
4	Kê Nghĩa Dũng TP Quảng Ngãi	8.199,9	8.199,9	7.914,6	-285,3		-285,3			285,3			285,3	0,0	0,0	0,0	
5	Xây dựng nâng cấp đường Nguyễn Chánh	3.382,2	3.382,2	3.382,2	0,0									0,0	0,0	0,0	
VII	UBND huyện Tây Trà	20.021,4	20.021,4	19.932,4	-88,9	0,0	-88,9	0,0	0,0	88,9	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	88,9	
1	Nhà làm việc UBND huyện Tây Trà	3.506,7	3.506,7	3.469,1	-37,6		-37,6			37,6				0,0	0,0	37,6	
2	Đường Eo Chim - Trà Nham	16.514,7	16.514,7	16.463,3	-51,4		-51,4			51,4				0,0	0,0	51,4	
VIII	UBND huyện Minh Long	19.949,9	19.949,9	19.718,0	-231,9	0,0	-231,9	0,0	0,0	231,9	0,0	0,0	231,9	0,0	0,0	0,0	

Số TT	Tên dự án	Số báo cáo	Giá trị được kiểm toán	Số kiểm toán xác định	Chênh lệch	Chia ra			Kiến nghị xử lý			Đã thực hiện			Chưa thực hiện			Ghi chú
						Sai khối lượng	Sai khác	Thu hồi	Giảm cấp phát	Thu khác	Thu hồi	Giảm cấp phát	Thu khác	Thu hồi	Giảm cấp phát	Thu khác		
1	2	3	4	5	6	7	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
I	Dương Long Mai - Long Sơn qua đảo Chân	19.949,9	19.949,9	19.718,0	-231,9		-231,9			231,9			231,9	0,0	0,0	0,0		
IX	Công ty TNHH MTV ĐT&PTH Quảng Ngãi	92.606,4	60.767,7	50.557,6	-10.210,2	-7.365,5	-2.844,7	633,4	9.576,8	0,0	0,0	0,0	0,0	633,4	9.576,8	0,0		
1	Hệ thống xử lý nước thải KCN Quảng Phú (gói số 9)	35.762,0	24.863,1	15.373,5	-9.489,6	-6.882,5	-2.607,1		9.489,6					0,0	9.489,6	0,0		
2	Tuyến số 5 - đường số 1, 2, 5 - KCN Tịnh Phong (gói số 4)	10.496,0	8.250,6	8.047,1	-203,5	-87,2	-116,3	116,3	87,2					116,3	87,2	0,0		
3	Tuyến số 1 và số 2 - đường số 1, 2, 5 - KCN Tịnh Phong (gói số 3)	13.998,1	12.096,7	11.793,8	-302,9	-181,6	-121,3	302,9						302,9	0,0	0,0		
4	Đường số 2 nối dài KCN Tịnh Phong	13.574,2	13.311,3	13.097,0	-214,2	-214,2		214,2						214,2	0,0	0,0		
5	Đường trục chính KCN Quảng Phú	18.776,0	2.246,1	2.246,1	0,0									0,0	0,0	0,0		
X	Công ty TNHH MTV KTCTTL Quảng Ngãi	9.275,8	9.275,8	9.246,0	-29,8	0,0	-29,8	0,0	0,0	29,8	0,0	0,0	29,2	0,0	0,0	0,0	0,7	
1	Kiến cố hóa Kênh N8 thuộc hệ thống thủy lợi Thạch Nham	9.275,8	9.275,8	9.246,0	-29,8		-29,8			29,8			29,2	0,0	0,0	0,0	0,7	
XI	Trường THCS DTNT Minh Long	1.340,0	1.340,0	1.325,6	-14,4	0,0	-14,4	0,0	0,0	14,4	0,0	0,0	14,4	0,0	0,0	0,0		
1	Trường THCS DTNT Minh Long	1.340,0	1.340,0	1.325,6	-14,4		-14,4			14,4			14,4					
B	Khối huyện, TP quản lý	102.920,4	32.813,6	31.601,6	-1.242,0	-1.239,2	-2,8	1.242,0	0,0	0,0	320,5	0,0	0,0	921,5	0,0	0,0		
I	Dự án đã phê duyệt quyết toán	19.211,6	14.129,2	14.016,7	-142,4	-139,7	-2,8	142,4	0,0	0,0	2,8	0,0	0,0	139,7	0,0	0,0		
1	Tuyến đường trục chính Cụm CN Thiên Bửu TPQN	3.838,4	3.838,4	3.743,4	-125,0	-125,0		125,0						125,0	0,0	0,0		
2	Đường Bình Hiệp - Tịnh Tà ST	13.872,2	8.789,8	8.775,1	-14,7	-14,7		14,7						14,7	0,0	0,0		
3	Sàn nền lô 05 Cụm CN Quán lát Mộ Đức	1.501,0	1.501,0	1.498,2	-2,8		-2,8	2,8			2,8			0,0	0,0	0,0	0,0 mới thực hiện	
II	Dự án quyết toán của chủ đầu tư	968,9	935,4	908,0	-27,3	-27,3	0,0	27,3	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	27,3	0,0	0,0		
	Đường BTXM thi trấn Mộ Đức	968,9	935,4	908,0	-27,3	-27,3		27,3						27,3	0,0	0,0		
III	Dự án đang thực hiện	82.740,0	17.749,0	16.676,8	-1.072,2	-1.072,2	0,0	1.072,2	0,0	0,0	317,7	0,0	0,0	754,5	0,0	0,0		
1	Đường tỉnh 623 huyện Sơn Tịnh	28.478,2	11.111,5	10.641,2	-470,3	-470,3		470,3						470,3	0,0	0,0		

Số TT	Tên dự án	Số báo cáo	Giá trị được kiểm toán	Số kiểm toán xác định	Chênh lệch	Chia ra		Kiến nghị xử lý			Đã thực hiện			Chưa thực hiện			Ghi chú
						Sai khối lượng	Sai khác	Thu hồi	Giảm cấp phát	Thu khác	Thu hồi	Giảm cấp phát	Thu khác	Thu hồi	Giảm cấp phát	Thu khác	
1	2	3	4	5	6	7	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
2	Đường GTNT tuyến Cầu Kinh-Khê Hội (Sơn Tịnh)	3.742,8	2.418,3	2.275,3	-143,1	-143,1		143,1						143,1	0,0	0,0	
3	Đường Trà Phú - Trà Giang (Trà Bồng)	8.858,6	1.029,5	909,1	-120,4	-120,4		120,4			120,4			0,0	0,0	0,0	
4	Đường Sơn Thành-Bà Linh (Trà Bồng)	13.815,0	742,8	625,6	-117,2	-117,2		117,2			117,2			0,0	0,0	0,0	
5	Đường Trà Lâm-Trà Hiệp (Trà Bồng)	20.500,0	1.778,0	1.738,1	-39,9	-39,9		39,9			39,9			0,0	0,0	0,0	
6	NLV UBND huyện Mộ Đức	5.077,1	289,0	248,7	-40,2	-40,2		40,2			40,2			0,0	0,0	0,0	Đã xử lý giảm giá trị quyết toán
7	NLV UBND thị trấn Mộ Đức	2.268,4	379,9	238,8	-141,1	-141,1		141,1						141,1	0,0	0,0	
	Cộng (A)+(B)	768.164,5	379.454,6	361.297,0	-18.187,6	-13.227,3	-4.960,3	5.246,0	11.653,0	1.288,6	3.013,9	2.726,6	987,2	1.581,8	9.576,8	301,3	

Tỉnh Quảng Ngãi

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN CHI NSNN NĂM 2010

(Theo Biểu số 09/BCKT-NSDP của KTNN)

ĐVT: triệu đồng

Số TT	Đơn vị	Số tiền	Nội dung	Tiến độ thực hiện		Lý do chưa thực hiện và kiến nghị của đơn vị
				Đã nộp	Chưa nộp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)-(5)	(7)
I	Các khoản phải nộp ngân sách	40.902,99		12.369,29	28.533,70	
I.1	Số Kiểm toán phát hiện	5.686,80		4.940,79	746,01	
A	Khối tỉnh	1.903,02		1.157,01	746,01	
1	Sở Y tế	456,21	Nguồn thu viện phí điều tiết về Sở từ các năm trước còn dư theo quy định nộp lại NSNN	128,13	328,08	
2	Sở Tài nguyên môi trường	56,94	Tiền thiết kế thu hồi từ các năm trước chưa nộp, đề nghị nộp NSNN	20,00	36,94	Tiền thiết kế phí, đơn vị chưa thu hồi công nợ nên chưa nộp NSNN
3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	483,13	Kinh phí khắc phục bão lụt còn thừa chưa sử dụng, thu hồi nộp ngân sách	478,60	4,53	Chi cục TL PCLB: 6,711,000đ đã quyết toán (số đã nộp 1,053,000đ); BQLDA 136,000,000đ thừa, chưa rút KB hoàn trả NS; CtyTNHHMTV KTCTTL 335,887,000đ chưa rút KB hoàn trả NS, số còn phải nộp 19,676,000đ ;
4	Sở Giao thông vận tải	164,30	Nguồn cải cách tiền lương ngân sách cấp thừa, thu hồi nộp NSNN	164,30	0,00	
5	Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất	479,29	Kinh phí thừa 120 triệu chi trả bồi thường giải phóng mặt bằng của phần II đoạn Bình Long - Dung Quất. Nguồn cải cách tiền lương năm 2010 còn thừa 358,346 triệu đồng chưa sử dụng trước đây NS cấp cho Bệnh viện đa khoa DQ	120,94	358,35	Bệnh viện Dung Quất chuyển giao cho Tập đoàn Dầu khí Quốc gia. UBND tỉnh chỉ đạo BQL Khu KT Dung Quất thu hồi 358,346
6	Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển hạ tầng DQ	98,60	Tiền thanh lý tài sản NN năm 2010 là đơn vị sự nghiệp trực thuộc BQLKKTĐQ	98,60	0,00	
7	Cty cổ phần phát triển cơ sở hạ tầng Quảng Ngãi	18,12	Tiền quyết toán công trình còn thừa chưa nộp trả NS (BQL các DA Đầu tư và xây dựng Minh long		18,12	

Số TT	Đơn vị	Số tiền	Nội dung	Tiến độ thực hiện		Lý do chưa thực hiện và kiến nghị của đơn vị
				Đã nộp	Chưa nộp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)-(5)	(7)
8	Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Quảng Ngãi	122,27	Hoàn trả tiền quyết toán tiền điện vượt với NS là 87,667 triệu đồng; KP quyết toán còn thừa chưa nộp trả NS tinh là 34,604 triệu đồng	122,27	0,00	
9	Văn phòng UBND tỉnh	24,17	KP còn thừa thuộc Đề án 112 từ các năm trước chưa nộp trả ngân sách	24,17	0,00	
B	Khôi huyện, thành phố	3.783,78		3.783,78	0,00	
1	Huyện Trà Bồng	3.783,78	KP bổ sung có mục tiêu rút trùng	3.783,78	0,00	
I.2	Số chưa xử lý nộp ngân sách	35.216,19		7.428,50	27.787,69	
A	Khôi tỉnh	3.233,42		2.703,84	529,59	
1	Sở Tài chính	2.681,72	Số dư trên tài khoản tạm thu, tạm giữ đủ điều kiện nộp NS	2.681,72	0,00	
2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	551,70	Tại Trung tâm khuyến ngư tạm ứng cho cho các đơn vị, các nhân từ các năm trước chưa thu hồi được	22,12	529,59	
B	Khôi huyện, thành phố	31.982,77		4.724,67	27.258,10	
1	Thành phố Quảng Ngãi	27.139,74	Tài khoản tạm thu đủ điều kiện nhưng chưa xử lý nộp NSNN tại Chi cục thuế thành phố Quảng Ngãi. Xử lý trả nợ tạm ứng cho NS tinh 27 tỷ, nhưng không nộp và phản ảnh vào báo cáo QT ngân sách theo quy định của Luật NS	139,74	27.000,00	
2	Huyện Mộ Đức	91,82	KP xử phạt vi phạm hành chính còn tồn 37,317 triệu đồng; Khoản tạm thu tạm giữ chờ xử lý 54,506 triệu đồng đủ điều kiện nộp vào ngân sách nhưng chưa nộp	91,82	0,00	
3	Huyện Trà Bồng	931,78	KP bảo trợ xã hội từ năm 2007, 2008 còn thừa hết nhiệm vụ chi nộp trả NS tinh 243,160 triệu đồng	931,78	0,00	
4	Huyện Sơn Tịnh	570,84	KP trợ cước trợ giá thừa đã hết nhiệm vụ chi nộp trả NS tinh 92,570 triệu đồng; KP hỗ trợ ngư dân theo QĐ 289/QĐ-TTg-TTg còn thừa hết nhiệm vụ chi 197,274 triệu đồng; Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề hết nhiệm vụ chi nộp trả ngân sách tinh 281 triệu đồng tại Phòng TC-KH tỉnh.	570,84	0,00	mới thực hiện

Số TT	Đơn vị	Số tiền	Nội dung	Tiến độ thực hiện		Lý do chưa thực hiện và kiến nghị của đơn vị
				Đã nộp	Chưa nộp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)-(5)	(7)
5	Huyện Tư Nghĩa	3.248,58	- Phòng TCKH nộp NS tinh kinh phí thừa 1.828,606 triệu đồng - Xử lý các khoản huyện đã thu nhưng chưa xử lý nộp ngân sách 1.419,968 triệu đồng	2.990,48	258,10	mới thực hiện 2013:894.475.382đđ
II	Xuất toán thu hồi nộp NSNN	44,77		0,00	44,77	
	Khởi huyện	44,77		0,00	44,77	
	Huyện Tư Nghĩa	44,77	Chi lương kiêm nhiệm của BQLDA không đúng chế độ tại phòng GDĐT		44,77	
III	Chuyển Quyết toán năm sau	36.958,51		36.958,51	0,00	
A	Khởi tỉnh	3.568,15		3.568,15	0,00	
	Không đủ điều kiện quyết toán năm 2010	3.568,15		3.568,15	0,00	
1	Sở Y tế	56,02	Thuốc vật tư y tế chưa sử dụng, chưa nhập kho nhưng đã quyết toán	56,02	0,00	
2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3.512,13	- KP thực hiện bộ chỉ số theo đánh giá nước sạch và vệ sinh môi trường chưa được nghiệm thu 1.800,987 triệu - Nguồn KP lập quy hoạch phát triển ngành Thủy sản tỉnh QN do thiếu chứng từ 100 triệu - Chi cấp sổ nhật ký khai thác, in tờ rơi, sổ tay ngư dân cấp cho các xã không có tổng hợp biên nhận 192,800 triệu đồng - Kinh phí khuyến nông và kinh phí lai tạo bò giống quyết toán 1.418,341 triệu đồng	3.512,13	0,00	
B	Khởi huyện	33.390,36		33.390,36	0,00	
B1	Không đủ điều kiện quyết toán năm 2010	1.026,42		1.026,42	0,00	
1	Huyện Tư Nghĩa	826,42	* KP chương trình mục tiêu khắc phục bão lụt 70 triệu; Kp xây dựng trạm y tế xã 258,424 triệu tại UBND xã Nghĩa Hiệp do không có hồ sơ * Thanh toán khối lượng sai niên độ 498 triệu	826,42	0,00	

Số TT	Đơn vị	Số tiền	Nội dung	Tiến độ thực hiện		Lý do chưa thực hiện và kiến nghị của đơn vị
				Đã nộp	Chưa nộp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)-(5)	(7)
2	Huyện Sơn Tịnh	200,00	KP cấp vốn cho NH chính sách quỹ hỗ trợ người nghèo tại Phòng TC-KH chưa có hồ sơ quyết toán	200,00	0,00	
B2	Tăng chi chuyển nguồn	32.363,93		32.363,93	0,00	
1	Thành phố Quảng Ngãi	5.537,00	Tăng chi chuyển nguồn CCTL	5.537,00	0,00	
2	Huyện Ba Tơ	3.457,30	Giảm kết dư ngân sách đồng thời tăng chi chuyển nguồn theo đúng tính chất nguồn CCTL	3.457,30	0,00	
3	Huyện Tư Nghĩa	17.453,19	Giảm kết dư ngân sách đồng thời tăng chi chuyển nguồn theo đúng tính chất nguồn	17.453,19	0,00	
4	Huyện Mộ Đức	5.916,45	Giảm kết dư tăng chi chuyển nguồn các khoản còn nhiệm vụ chi	5.916,45	0,00	Do thị trấn Mộ Đức thu NS không đạt
IV	Giảm cấp phát năm sau	12.103,94		12.103,94	0,00	
A	Khối tỉnh	5.175,62		5.175,62	0,00	
1	VP Đoàn đại biểu QH và HĐND tỉnh	103,40	KP tiền lương cấp trùng	103,40	0,00	
2	Sở Giáo dục đào tạo	373,35	Trích chưa đủ 40% nguồn được để lại tạo nguồn CCTL ngân sách tỉnh đã cấp bù số trích thiếu trên	373,35	0,00	
3	Sở Y tế	1.357,48	Cấp thừa sự nghiệp y tế theo định mức do tính sai học cho các bệnh viện ; Xác định thiếu nguồn CCTL từ hoạt động thu sự nghiệp	1.357,48	0,00	
4	Sở Tài chính	208,28	Nguồn cải cách tiền lương do ngân sách cáo thừa	208,28	0,00	
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	572,97	Nguồn cải cách tiền lương năm 2010 sử dụng còn thừa, chưa sử dụng	572,97	0,00	
6	Trường Đại học Phạm Văn Đồng	2.560,14	Xác định thiếu nguồn cải cách tiền lương 807,939 triệu từ nguồn thu sự nghiệp nhưng ngân sách đã cấp bù; Xác định kinh phí hỗ trợ trường mới thành lập chuyển năm sau không đúng quy định 1.752 triệu đồng do đơn vị chi không đúng nguồn.	2.560,14	0,00	
B	Khối huyện	6.928,32		6.928,32	0,00	
1	Huyện Tư Nghĩa	4.654,28	Nguồn kinh phí cải cách tiền lương còn thừa do kg trích 50% nguồn tăng thu, 10% tiết kiệm chi thường	4.654,28	0,00	

Số TT	Đơn vị	Số tiền	Nội dung	Tiến độ thực hiện		Lý do chưa thực hiện và kiến nghị của đơn vị
				Đã nộp	Chưa nộp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)-(5)	(7)
2	Huyện Đức Phổ	2.274,04	KP thực hiện CCTL ngân sách tỉnh cấp bổ sung ngân sách huyện còn thừa chưa sử dụng	2.274,04	0,00	
V	Các Kiến nghị khác	286.911,71		238.237,71	48.674,00	
1	Bổ trí nguồn hoàn trả NSTW các khoản chi sai nguồn	64.000,00		64.000,00	0,00	Kiến nghị giảm 64 tỷ đã được KTNN chấp nhận
	Sở Kế hoạch đầu tư	64.000,00	Bổ KH vốn cho các dự án ngoài danh mục Chính phủ phê duyệt từ nguồn ngân sách Trung ương ủng hộ cho NS địa phương từ nguồn thu thuế từ NMLD Dung Quất	64.000,00		
2	Bổ trí nguồn hoàn trả ngân sách huyện	6.002,13	Nộp vào KBNN số dư tiền gửi Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo tại hai Ngân hàng Ngoại thương và NH Đầu tư và PT	2.644,11	3.358,01	
a	Huyện Ba Tơ	1.278,69	* Nộp trả NS huyện do thị trấn Ba Tơ trích 50% nguồn tăng thu năm 2010; Kinh phí chương trình mục tiêu còn, KP DA đầu tư chợ thị trấn Ba Tơ không thuộc đối tượng bổ trí vốn NSNN	328,69	950,00	
b	Huyện Mộ Đức	431,24	Bổ trí hoàn trả ngân sách huyện do chi sai nguồn	431,24	0,00	
c	Huyện Đức Phổ	98,74	Sử dụng nguồn CCTL chi thường xuyên	98,74	0,00	
d	Huyện Trà Bồng	1.785,44	Do tính cấp thừa nguồn cải cách tiền lương chi sai mục đích	1.785,44	0,00	
e	Huyện Sơn Tịnh	2.408,01	Do tính cấp thừa nguồn cải cách tiền lương chi sai mục đích		2.408,01	Huyện giải trình: nguồn KPCCTL năm trong kết dư huyện chưa cấp cho các đơn vị nên huyện đã chuyển từ năm 2010 sang 2011 để tiếp tục sử dụng
3	Thu tiền cổ phần hóa DNNN nộp quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	38.838,63	Công ty CP cấp thoát nước và Đô thị 16.782,452 triệu đồng; Công ty CP Môi trường và Đô thị Quảng Ngãi 22.056,180 triệu đồng	30.881,65	7.956,98	
4	Đơn đốc thu hồi nợ tạm ứng kéo dài nhiều năm tại KBNN Quảng Ngãi	178.070,95		140.711,95	37.359,00	mới thực hiện thêm

Số TT	Đơn vị	Số tiền	Nội dung	Tiến độ thực hiện		Lý do chưa thực hiện và kiến nghị của đơn vị
				Đã nộp	Chưa nộp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)-(5)	(7)
	Tạm ứng thuộc nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu của Trung ương tồn đọng kéo dài nhiều	64.963,56				
	Tạm ứng thuộc nguồn vốn TPCP tồn đọng, kéo dài nhiều năm chưa thu hồi được	53.283,07				
	Các khoản ứng trước tự toán NS, kế hoạch vốn năm sau nhưng chưa thu hồi	59.824,32				
	Tổng cộng (I+II+III+IV+V)	376.921,91		299.669,45	77.252,47	